

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  
**NGÀNH ĐÀO TẠO: KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  
**MT03009: THỰC HÀNH ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**  
**(ENVIRONMENTAL IMPACT ASSESSMENT: PRACTICE)**

**I. Thông tin về học phần**

- Học kì: **6**
- Tín chỉ: **Tổng số tín chỉ: 01 (Lý thuyết 0 – Thực hành 01 – Tự học 03)**
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:
  - + Thực hành phòng thí nghiệm: **7,5 tiết**
  - + Làm việc nhóm, thảo luận, thuyết trình: **7,5 tiết**
- Giờ tự học: **45 tiết**
- Đơn vị phụ trách:
  - Bộ môn: **Công nghệ môi trường**
  - Khoa: **Môi trường**
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành 1 <input checked="" type="checkbox"/>		Chuyên ngành 2 <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh  tiếng Việt

**II. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi**

**\* Mục tiêu:**

- Về kiến thức: Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về quy trình thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định
- Về kỹ năng: Học phần rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng lập báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án đầu tư theo quy định
- Về thái độ: Học phần rèn luyện cho sinh viên năng lực chủ động học tập, cập nhật kiến thức, hình thành quan điểm trong bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

**\* Kết quả học tập mong đợi của chương trình**

Sau khi hoàn tất Chương trình, Sinh viên có thể:

Kiến thức chung	CĐR1: <b>Áp dụng</b> kiến thức khoa học tự nhiên, chính trị, xã hội, nhân văn, pháp luật, kinh tế và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào ngành Khoa học môi trường.
-----------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Kiến thức chuyên môn	CĐR2: <b>Phân tích</b> chất lượng môi trường bao gồm thiết kế và thực hiện các thí nghiệm về môi trường, cũng như thu thập và giải thích số liệu.
	CĐR3: <b>Đánh giá</b> tác động của việc sử dụng tài nguyên và sự phát thải đến chất lượng môi trường.
	CĐR4: <b>Xây dựng</b> các giải pháp bền vững cho việc quản lý, bảo vệ môi trường và tài nguyên dựa trên các quan điểm (perspectives) khác nhau của khoa học, nhân văn và xã hội.
	CĐR5: <b>Thiết kế</b> các công trình xử lý chất thải (rắn, lỏng, khí) theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia và quốc tế.
Kỹ năng chung	CĐR6: <b>Vận dụng</b> tư duy tầm hệ thống, tư duy phản biện và tư duy sáng tạo trong giải quyết các vấn đề của ngành môi trường và các lĩnh vực liên quan.
	CĐR7: <b>Làm việc nhóm và lãnh đạo</b> nhóm làm việc đa chức năng.
	CĐR8: <b>Giao tiếp</b> hiệu quả bằng lời nói, văn bản, đa phương tiện với các bên liên quan trong môi trường đa dạng; đạt chuẩn Tiếng Anh theo qui định của Bộ GD&ĐT.
Kỹ năng chuyên môn	CĐR9: <b>Vận dụng</b> các hướng tiếp cận (approaches) và các phương pháp, kỹ thuật phù hợp để điều tra, khảo sát, nghiên cứu các vấn đề của ngành môi trường.
	CĐR10: <b>Sử dụng</b> công nghệ, các trang thiết bị và kỹ thuật hiện đại trong các hoạt động quản lý và bảo vệ tài nguyên và môi trường.
Thái độ	CĐR11: <b>Định hướng</b> tương lai rõ ràng, có lòng đam mê nghề nghiệp và ý thức học tập suốt đời.
	CĐR12: <b>Thể hiện</b> các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường và phục vụ sự phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu.

**\* Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

*I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – Củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)*

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT											
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12
MT 03011	Thực hành đánh giá tác động môi trường		P	P	I	I		P				R	I

Ký hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	CĐR của CTĐT
<b>Kiến thức</b>		
K1	<b>Vận dụng</b> quy trình lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	CĐR2: <b>Phân tích</b> chất lượng môi trường bao gồm thiết kế và thực hiện các thí nghiệm về môi trường, cũng như thu thập và giải thích số liệu.
K2	<b>Xác định</b> chỉ số tác động của các hoạt động đối với các thành phần môi trường	CĐR2: <b>Phân tích</b> chất lượng môi trường bao gồm thiết kế và thực hiện các thí nghiệm về môi trường, cũng như thu thập và giải thích số liệu.

		CDR3: <b>Đánh giá</b> tác động của việc sử dụng tài nguyên và sự phát thải đến chất lượng môi trường.
K3	<b>Dự báo</b> tác động môi trường của 01 dự án cụ thể	CDR3: <b>Đánh giá</b> tác động của việc sử dụng tài nguyên và sự phát thải đến chất lượng môi trường.
K4	<b>Thiết lập</b> chương trình giám sát và giảm thiểu tác động	CDR4: <b>Xây dựng</b> các giải pháp bền vững cho việc quản lý, bảo vệ môi trường và tài nguyên dựa trên các quan điểm (perspectives) khác nhau của khoa học, nhân văn và xã hội.
<b>Kỹ năng</b>		
K5	<b>Lập</b> báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định	CDR7: <b>Làm việc nhóm và lãnh đạo</b> nhóm làm việc đa chức năng. CDR10: <b>Sử dụng</b> công nghệ, các trang thiết bị và kỹ thuật hiện đại trong các hoạt động quản lý và bảo vệ tài nguyên và môi trường.
K6	<b>Sử dụng</b> công nghệ tin học trong phân tích tác động và dự báo phát thải	CDR10: <b>Sử dụng</b> công nghệ, các trang thiết bị và kỹ thuật hiện đại trong các hoạt động quản lý và bảo vệ tài nguyên và môi trường.
K7	<b>Thuyết trình</b> , bảo vệ phương án giảm thiểu tác động theo quy định	CDR8: <b>Giao tiếp</b> hiệu quả bằng lời nói, văn bản, đa phương tiện với các bên liên quan trong môi trường đa dạng; đạt chuẩn Tiếng Anh theo qui định của Bộ GD&ĐT.
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>		
K8	<b>Chủ động</b> học tập và cập nhật hoàn thiện kiến thức	CDR11: <b>Định hướng</b> tương lai rõ ràng, có lòng đam mê nghề nghiệp và ý thức học tập suốt đời.
K9	<b>Thể hiện</b> sự nghiêm túc và tinh thần trách nhiệm trong bảo vệ môi trường và phát triển bền vững	CDR11: <b>Định hướng</b> tương lai rõ ràng, có lòng đam mê nghề nghiệp và ý thức học tập suốt đời.

### III. Nội dung tóm tắt của học phần

**MT03011. Thực hành đánh giá tác động môi trường (Environmental Impact Assessment: Practices). (ITC: 0 – 1 – 3; 45).**

Mô tả vắn tắt nội dung:

Học phần bao gồm các nội dung về quy trình thực hiện xây dựng báo cáo đánh giá tác động môi trường: Lược duyệt; Xác định phạm vi, mức độ và đối tượng tác động; Thu thập thông tin phục vụ đánh giá tác động; Dự báo tác động môi trường; Xây dựng kế hoạch quản lý và giám sát tác động để xây dựng báo cáo Đánh giá tác động môi trường.

### IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

#### 1. Phương pháp giảng dạy

- Hướng dẫn trực tiếp sinh viên các nội dung thực hành.
- Hướng dẫn sinh viên làm bài tập, thảo luận/thảo luận theo nhóm.
- E – learning: tìm tài liệu, nghiên cứu tài liệu, hướng dẫn học

#### 2. Phương pháp học tập

- Sinh viên làm thực tập theo các nội dung trong đề cương.
- Tự học: nghiên cứu tài liệu theo tài liệu yêu cầu đọc của giảng viên thông qua hệ thống E – learning
- Viết báo cáo thực tập.
- Thảo luận nhóm, trao đổi với giáo viên về thực nghiệm tại lớp học và e – learning.

#### V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải có mặt đầy đủ trong các buổi học, tham gia trực tiếp vào quá trình thực tập.
- Chuẩn bị: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải nắm vững kiến thức lý thuyết, đọc tài liệu hướng dẫn thực tập trước khi đến lớp. Chuẩn bị các học liệu theo yêu cầu của giáo viên giảng dạy. Tham gia trao đổi, thảo luận và làm bài tập theo yêu cầu của giáo viên và/hoặc thông qua e – learning.
- Thực hành: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải thực hiện 4 phương pháp sử dụng trong ĐTM thông qua bài tập thực hành
- Thi cuối kì: Sinh viên phải tham gia thi vấn đáp.

#### VI. Đánh giá và cho điểm

##### 1. Thang điểm: 10

##### 2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric.

- Điểm quá trình: 70%
  - + Thảo luận nhóm: 20%
  - + Thuyết trình: 10%
  - + Bài tập nhóm: 40%
- Điểm kiểm tra cuối kì (cá nhân): 30%

##### 3. Phương pháp đánh giá

**Bảng 1. Ma trận đánh giá các kết quả học tập mong đợi của học phần**

Các KQHTMD của HP	Thảo luận nhóm (20%)	Bài tập nhóm (40%)	Thuyết trình (10%)	Thi cuối kỳ (30%)
K1	x			x
K2	x	x		x
K3	x	x	x	x
K4		x	x	x
K5		x	x	
K6		x	x	
K7			x	
K8	x		x	
K9	x	x	x	



**Bảng 2. Tiêu chí đánh giá kết quả học tập mong đợi của học phần**

<b>Nội dung thi/kiểm tra</b>	<b>Chỉ báo thực hiện của học phần được đánh giá</b>	<b>KQHTMĐ được đánh giá</b>
Xác định cơ sở pháp lý yêu cầu lập báo cáo, cơ quan phê duyệt	Chỉ báo 2. Sàng lọc yêu cầu đánh giá tác động môi trường cho các trường hợp dự án cụ thể	K1
Cấu trúc báo cáo ĐTM, KHBVMT	Chỉ báo 3. Phân tích cấu trúc quy định của các dạng báo cáo ĐGĐMT	
Các bước thực hiện lập báo cáo ĐTM	Chỉ báo 4. Vận dụng quy trình thực hiện lập báo cáo ĐTM	
Phân biệt các dạng tác động, phương pháp sử dụng trong xác định chỉ số tác động	Chỉ báo 5. So sánh các dạng tác động, cơ sở xác định chỉ số tác động	K2
Loại thông tin, yêu cầu về chất lượng thông tin gắn với trường hợp dự án cụ thể	Chỉ báo 7. Phân tích nhu cầu thông tin trong đánh giá hiện trạng môi trường nền	
So sánh với giá trị nền/ QCVN và nhận diện đối tượng và mức độ tác động	Chỉ báo 12. Phân tích nguy cơ ảnh hưởng tới chất lượng môi trường	K3
Sử dụng phương pháp phân tích đa tiêu chí trong lựa chọn giải pháp	Chỉ báo 14. Lựa chọn giải pháp giảm thiểu tác động	K4
Vận dụng khung pháp lý trong lựa chọn thông số và tần suất giám sát môi trường	Chỉ báo 16. Lựa chọn thông số giám sát đối với các dạng chất thải	
Vai trò của các bên liên quan trong quản lý, giám sát môi trường	Chỉ báo 17. Phân tích vai trò của các bên liên quan trong quản lý, giám sát môi trường	

**Rubric 1. Thảo luận nhóm**

<b>Tiêu chí</b>	<b>Trọng số (%)</b>	<b>Tốt 8,5-10 điểm</b>	<b>Khá 7-8,4 điểm</b>	<b>Trung bình 4-6,9 điểm</b>	<b>Kém 0-3,9 điểm</b>
Thời gian tham dự	20	Tham gia đầy đủ, thực hiện đúng phân công	Tham gia chưa đầy đủ theo phân công	Tham gia không theo phân công	Không tham gia
Thái độ tham dự	20	Luôn chú ý và tham gia đầy đủ, hợp tác tốt (Thường xuyên đóng góp ý kiến vào sản phẩm chung của nhóm)	Khá chú ý, có tham gia (Có đóng góp ý kiến vào sản phẩm chung của nhóm)	Có chú ý, ít tham gia (Ít đóng góp ý kiến vào sản phẩm chung của nhóm)	Không chú ý/không tham gia, gây mâu thuẫn nhóm (Không đóng góp ý kiến vào sản phẩm chung của nhóm)
Chất lượng câu hỏi thảo luận	20	Câu hỏi hay, phù hợp với nội dung thảo luận,	Câu hỏi phù hợp với nội dung thảo luận,	Câu hỏi gần với nội dung thảo luận,	Không đặt được câu hỏi hoặc câu hỏi không phù

<b>Tiêu chí</b>	<b>Trọng số (%)</b>	<b>Tốt 8,5-10 điểm</b>	<b>Khá 7-8,4 điểm</b>	<b>Trung bình 4-6,9 điểm</b>	<b>Kém 0-3,9 điểm</b>
		có tính gợi mở và vận dụng	có tính vận dụng	không có tính gợi mở hoặc vận dụng	hợp với nội dung thảo luận
Chất lượng trả lời câu hỏi thảo luận	40	Kết quả đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng nội dung cần thảo luận	Nội dung chính được giải quyết đúng, tuy nhiên chưa đầy đủ hoặc chưa phù hợp ở một số chi tiết	Nội dung chính không đúng hoặc chưa hiểu rõ các ứng dụng của vấn đề	Không có câu trả lời cho nội dung thảo luận

### **Rubric 2. Bài tập nhóm**

<b>Tiêu chí</b>	<b>Trọng số (%)</b>	<b>Tốt 8,5-10 điểm</b>	<b>Khá 7-8,4 điểm</b>	<b>Trung bình 4-6,9 điểm</b>	<b>Kém 0-3,9 điểm</b>
Quản lý thời gian	5	Nộp bài đúng hạn	Nộp chậm 1 ngày	Nộp chậm 3 ngày	Nộp chậm trên 3 ngày
Thái độ tham dự nhóm	5	Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	Có tham gia thảo luận và chia sẻ	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận và chia sẻ	Không tham gia thảo luận và chia sẻ
Chất lượng kết quả	40	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu
Nền tảng kiến thức	20	Giải thích và chứng minh rõ ràng	Giải thích và chứng minh khá rõ ràng	Giải thích và chứng minh tương đối rõ ràng	Giải thích và chứng minh không rõ ràng
Sử dụng công cụ trong phân tích và xử lý thông tin	15	Sử dụng thành thạo công cụ đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu	Sử dụng được công cụ đáp ứng khá tốt yêu cầu	Sử dụng được công cụ, có 1 số sai sót	Không biết sử dụng công cụ
Tổ chức và trình bày thông tin	15	Có tính logic và khoa học giúp cho việc nhận định rõ nét vấn đề	Có tính logic, khoa học đáp ứng khá tốt yêu cầu	Có tính logic, khoa học, nhưng còn một số sai sót nhỏ	Không logic, không khoa học

### Rubric 3. Thuyết trình

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8,5-10 điểm	Khá 7-8,4 điểm	Trung bình 4-6,9 điểm	Kém 0-3,9 điểm
Nội dung	10	Phong phú hơn yêu cầu	Đầy đủ theo yêu cầu	Khá đầy đủ, còn thiếu 1 nội dung quan trọng	Thiếu nhiều nội dung quan trọng
	20	Chính xác, khoa học	Khá chính xác, khoa học, còn vài sai sót nhỏ	Tương đối chính xác, khoa học, còn 1 sai sót quan trọng	Thiếu chính xác, khoa học, nhiều sai sót quan trọng
Cấu trúc và tính trực quan	10	Cấu trúc bài và slides rất hợp lý	Cấu trúc bài và slides khá hợp lý	Cấu trúc bài và slides tương đối hợp lý	Cấu trúc bài và slides chưa hợp lý
	10	Rất trực quan và thẩm mỹ	Khá trực quan và thẩm mỹ	Tương đối trực quan và thẩm mỹ	Ít/Không trực quan và thẩm mỹ
Kỹ năng trình bày	20	Dẫn dắt vấn đề và lập luận lôi cuốn, thuyết phục	Trình bày rõ ràng nhưng chưa lôi cuốn, lập luận khá thuyết phục	Khó theo dõi nhưng vẫn có thể hiểu được các nội dung quan trọng	Trình bày không rõ ràng, người nghe không thể hiểu được các nội dung quan trọng
Tương tác cử chỉ	10	Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	Tương tác bằng mắt và cử chỉ khá tốt	Có tương tác bằng mắt, cử chỉ nhưng chưa tốt	Không tương tác bằng mắt và cử chỉ
Quản lý thời gian	10	Làm chủ thời gian và hoàn toàn linh hoạt điều chỉnh theo tình huống	Hoàn thành đúng thời gian, thỉnh thoảng có linh hoạt điều chỉnh theo tình huống.	Hoàn thành đúng thời gian, không linh hoạt theo tình huống.	Quá giờ
Trả lời câu hỏi	10	Các câu hỏi đặt đúng đều được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng	Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng nhưng chưa nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Không trả lời được đa số câu hỏi đặt đúng

#### 4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

*Nộp bài tập chậm:* Tất cả các trường hợp nộp bài tập chậm không được tính điểm

*Tham dự các bài thi:* Không nộp đủ các bài tập, thảo luận và thuyết trình theo nhóm không được tham dự thi hết môn

*Yêu cầu về đạo đức:* Không có hành vi gian lận, sao chép trong làm bài tập nhóm

### VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo



**\* Giáo trình/bài giảng**

1. Trịnh Quang Huy và Nguyễn Thị Thu Hà (2020). *Giáo trình Đánh giá tác động môi trường*, NXB Học viện Nông nghiệp

**\* Các tài liệu khác**

1. Lê Xuân Hồng, *Cơ sở Đánh giá tác động môi trường*, 2006, NXB Thống kê Hà Nội
2. Quốc hội XIII, *Luật bảo vệ môi trường 2014*, Luật số 55/2014/QH13.
3. Thủ tướng chính phủ, *Quy định về Quy hoạch bảo vệ môi trường, Đánh giá môi trường chiến lược, Đánh giá tác động môi trường và Kế hoạch bảo vệ môi trường*, 2015, Nghị định số 18/2015/NĐ-CP
4. Bộ Tài nguyên và Môi trường, *Đánh giá môi trường chiến lược, Đánh giá tác động môi trường và Kế hoạch bảo vệ môi trường*, 2015, Thông tư 27/2015/BTNMT
5. Alexander P. Economopoulos – WHO, *Assessment of sources of air, water and land pollution: A guide to rapid source inventory techniques and their use in formulating environmental control strategies*, 1993 (part 1 and 2)
6. Trịnh Quang Huy và cộng tác viên, *Điều tra đánh giá ảnh hưởng của các trang trại chăn nuôi tập trung đến môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang*, 2013, Báo cáo tổng kết đề tài cấp tỉnh 2013
7. Trịnh Quang Huy và cộng tác viên, *Điều tra công tác quản lý, thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt tại khu vực nông thôn tỉnh Hải Dương và đề xuất các biện pháp quản lý để cải thiện môi trường*, 2015, Báo cáo tổng kết đề tài cấp tỉnh năm 2015
8. Trịnh Quang Huy và cộng tác viên, *Khảo sát, thống kê, phân loại nguồn thải từ các cơ sở trong và ngoài khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang*, 2016, Báo cáo tổng kết đề tài cấp tỉnh năm 2016
9. Trịnh Quang Huy và cộng tác viên, *Điều chỉnh Quy hoạch mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2010 – 2020*, 2016, Báo cáo tổng kết đề tài cấp tỉnh năm 2016
10. Nguyễn Ngọc Tú và cộng tác viên, *Đề án tổng thể môi trường tại các làng nghề trên địa bàn tỉnh Nghệ An, đề xuất các giải pháp quản lý và giảm thiểu ô nhiễm*, 2017, Báo cáo tổng kết đề tài cấp tỉnh năm 2017
11. Hoàng Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Thu Hà và cộng tác viên, *Health risk associated with the potentially toxic cyanobacteria blooms in the lakes of Hanoi by biovolume method*, 2015, Tạp chí khoa học và công nghệ tập 53 (3A).
12. Tạ Thị Yên, Đinh Tiến Dũng, Nguyễn Thị Thu Hà, *Đánh giá rủi ro của chì và cadimi tới sinh vật thủy sinh quy mô phòng thí nghiệm*, 2018, Tạp chí xây dựng Việt Nam (3.2018)
13. Trần Đức Việt, Nguyễn Thị Thu Hà và cộng tác viên, *Đánh giá sơ bộ rủi ro môi trường do tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật xã Nam Lĩnh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An*, 2018, Khoa học nông nghiệp Việt Nam tập 14 (12).

**VIII. Nội dung chi tiết của học phần**

<b>Tuần</b>	<b>Nội dung</b>	<b>KQHTMD của HP</b>
1	<b>Bài 1. Lược duyệt và Mô tả dự án</b>	
	<b>A/ Các nội dung chính trên lớp: (3 tiết)</b>	K1, K9

Tuần	Nội dung	KQHTMD của HP
	<p><b>Thảo luận nhóm: (1,5 tiết)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Xác định đặc điểm của dự án phát triển</li> <li>Xác định các tiêu chí lược duyệt</li> <li>Xác định nhu cầu và mức độ đánh giá tác động môi trường</li> </ul> <p><b>Thực hành phòng thí nghiệm: (1,5 tiết)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Thực hiện lược duyệt cho 20 dạng dự án đầu tư</li> <li>Xác định các tiêu chí chính của 01 dự án đầu tư</li> </ul>	
	<p><b>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Ôn lại kiến thức về dự án phát triển</li> <li>Ôn lại kiến thức về đánh giá tác động môi trường</li> <li>Mô tả dự án đầu tư (theo hướng dẫn của Thông tư)</li> </ul>	K1, K8, K9
2	<p><b>Bài 2. Xác định đối tượng, phạm vi, mức độ tác động</b></p>	
	<p><b>A/ Các nội dung chính trên lớp: (3 tiết)</b></p> <p><b>Thực hành phòng thí nghiệm: (1,5 tiết)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Xác định hoạt động, tác động của dự án (1 giai đoạn)</li> <li>Xác định phạm vi, mức độ và đối tượng chịu tác động (1 hoạt động)</li> </ul> <p><b>Bài tập nhóm: (1,5 tiết)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Xác định phạm vi, mức độ và đối tượng tác động (toàn dự án)</li> <li>Xác định tác động môi trường chính, đáng kể, không đáng kể</li> </ul>	K1, K2, K6
	<p><b>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Các phương pháp xác định phạm vi, mức độ và đối tượng tác động</li> <li>Thực hiện rà soát tác động</li> </ul>	K1, K2, K6, K8, K9
3	<p><b>Bài 3. Thu thập thông tin cho đánh giá tác động môi trường</b></p>	
	<p><b>A/ Các nội dung chính trên lớp: (3 tiết)</b></p> <p><b>Thực hành phòng thí nghiệm: (1,5 tiết)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Xác định nhu cầu thông tin (nguồn dữ liệu, loại dữ liệu, phương pháp thu thập dữ liệu)</li> <li>Vai trò của quan trắc môi trường nền</li> </ul> <p><b>Bài tập nhóm: (1,5 tiết)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Xây dựng chương trình quan trắc môi trường nền</li> </ul>	K2, K3, K6
	<p><b>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Các phương pháp thu thập thông tin</li> <li>Đánh giá chất lượng của thông tin</li> <li>Đánh giá chất lượng môi trường trước khi thực hiện dự án</li> </ul>	K2, K3, K6, K8, K9
4	<p><b>Bài 4. Dự báo tác động môi trường</b></p>	

Tuần	Nội dung	KQHTMD của HP
	<p><b>A/ Các nội dung chính trên lớp: (3 tiết)</b>  <b>Thực hành phòng thí nghiệm: (1,5 tiết)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Phương pháp ước tính tải lượng thải (1 số nguồn đặc trưng)</li> <li>• Phương pháp dự báo các tác động không liên quan chất thải</li> <li>• Phương pháp lan truyền ô nhiễm môi trường (1 ví dụ)</li> </ul> <p><b>Bài tập nhóm: (1,5 tiết)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Ước tính tải lượng thải (tất cả các tác động liên quan chất thải của dự án)</li> <li>• Dự báo tác động môi trường (tất cả các tác động chính của dự án)</li> </ul>	K3, K6, K9
	<p><b>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Các phương pháp dự báo tác động môi trường</li> <li>• Ước tính tải lượng thải</li> <li>• Dự báo tác động môi trường</li> <li>• Xác định tác động nghiêm trọng, đáng kể</li> </ul>	K3, K6, K8, K9
5	<p><b>Bài 5. Đề xuất giải pháp quản lý môi trường</b></p> <p><b>A/ Các nội dung chính trên lớp: (3 tiết)</b>  <b>Thực hành phòng thí nghiệm: (1,5 tiết)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Ứng dụng phương pháp phân tích đa tiêu chí</li> <li>• Tham khảo các quy định hiện hành</li> <li>• Đề xuất giải pháp, kế hoạch giảm thiểu (1 tác động)</li> </ul> <p><b>Bài tập nhóm: (1,5 tiết)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Xác định khả năng giảm thiểu tác động</li> <li>• Giải pháp giảm thiểu, kế hoạch quản lý môi trường (toàn dự án)</li> </ul>	K4, K9
6	<p><b>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Xây dựng báo cáo tổng kết (theo thông tư hướng dẫn)</li> </ul>	K4, K8, K9
6	<p><b>Nộp và trình bày báo cáo nhóm</b></p>	K5, K7, K8, K9

#### IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:

- Phòng học: đáp ứng số lượng sinh viên/lớp
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Bảng viết và Projector
- Các phương tiện khác: Giấy A0, Phấn/Bút viết bảng
- E – learning

#### X. Các lần cải tiến (đề cương được cải tiến hàng năm theo qui định của Học Viện):

- Lần 1: 7/2016

- Lần 2: 7/2017
- Lần 2: 7/2018
- Lần 4: 7/2019

*Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 2019*

**P. TRƯỞNG BỘ MÔN**

**GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**

**THS. NGUYỄN NGỌC TÚ**

**TS. TRỊNH QUANG HUY**

**TRƯỞNG KHOA**

**GIÁM ĐỐC**

**PGS.TS. NGÔ THẾ ÂN**

**PHỤ LỤC**  
**THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

**Giảng viên phụ trách học phần:**

Họ và tên: <b>Trịnh Quang Huy</b>	Học hàm, học vị: <b>Tiến sỹ</b>
Địa chỉ cơ quan: <b>CN210 tòa nhà Thú y – Môi trường, Học viện nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ - Gia Lâm – Hà Nội</b>	Điện thoại liên hệ: <b>+84 24 6 2617694</b>
Email: <b>tqhuy@vnua.edu.vn</b>	Trang web: <b>http://kmt.vnua.edu.vn/</b>
Cách liên lạc với giảng viên: <b>thông qua điện thoại, email, văn phòng bộ môn</b>	

**Giảng viên giảng dạy học phần:**

Họ và tên: <b>Nguyễn Thị Thu Hà</b>	Học hàm, học vị: <b>Thạc sỹ</b>
Địa chỉ cơ quan: <b>CN210 tòa nhà Thú y – Môi trường, Học viện nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ - Gia Lâm – Hà Nội</b>	Điện thoại liên hệ: <b>+84 24 6 2617694</b>
Email: <b>ha170086@gmail.com</b>	Trang web: <b>http://kmt.vnua.edu.vn/</b>
Cách liên lạc với giảng viên: <b>thông qua điện thoại, email, văn phòng bộ môn</b>	

**Giảng viên giảng dạy học phần:**

Họ và tên: <b>Nguyễn Ngọc Tú</b>	Học hàm, học vị: <b>Thạc sỹ</b>
Địa chỉ cơ quan: <b>CN210 tòa nhà Thú y – Môi trường, Học viện nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ - Gia Lâm – Hà Nội</b>	Điện thoại liên hệ: <b>+84 24 6 2617694</b>
Email: <b>nguyenngoctu@vnua.edu.vn</b>	Trang web: <b>http://kmt.vnua.edu.vn/</b>
Cách liên lạc với giảng viên: <b>thông qua điện thoại, email, văn phòng bộ môn</b>	